

Số: 015/2025/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 09 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 01/TTr-SDTTG ngày 03 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2025. Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau; Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bạc Liêu (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KGVX, NC (L08);
- Lưu: VT, M.A410/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 015/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo, gồm: Giám đốc và số lượng Phó Giám đốc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có thể nhiều hơn số lượng Phó Giám đốc Sở so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng Phó Giám đốc Sở sau sắp xếp thực hiện đúng quy định.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Dân tộc;
- c) Phòng Tôn giáo.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm, tình hình, yêu cầu quản lý về công tác của ngành trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo ban hành quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Thực hiện quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo theo quy định của pháp luật và phân cấp theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Biên chế

1. Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, khối lượng công việc, vị trí việc làm và tính chất, đặc điểm tình hình công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo của địa phương. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao biên chế công chức. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm giao, quản lý và sử dụng biên chế công chức đảm bảo trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý đối với công chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo bảo đảm theo vị trí việc làm và theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo là người đứng đầu Sở Dân tộc và Tôn giáo, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo là người giúp Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện



nhệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền điều hành các hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

3. Người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo (gọi chung là người đứng đầu) chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng được giao phụ trách.

4. Cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo (gọi chung là cấp phó của người đứng đầu) là người giúp việc cho người đứng đầu; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công phụ trách. Khi người đứng đầu vắng mặt, một cấp phó được người đứng đầu ủy quyền điều hành các hoạt động của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

5. Công chức, người lao động trong các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, trước người đứng đầu và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật

1. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu do Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo quyết định theo quy định về phân cấp quản lý công chức, trừ trường hợp có quy định khác.

3. Việc sử dụng, bố trí, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch đối với công chức do Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo quyết định theo phân cấp quản lý công chức hiện hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Điều động, biệt phái

Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo quyết định việc điều động, biệt phái công chức thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý công chức.



Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Mối quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Mối quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Bộ Dân tộc và Tôn giáo là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm do Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề ra; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động công tác của ngành trên địa bàn tỉnh và một số nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất, kiến nghị Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành mang tính phức tạp hoặc mới phát sinh mà chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Điều 9. Mối quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Ủy ban nhân dân tỉnh

Mối quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Ủy ban nhân dân tỉnh là mối quan hệ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Sở Dân tộc và Tôn giáo giữ mối liên hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động của ngành trên địa bàn tỉnh đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Mối quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

1. Mối quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh là mối quan hệ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm mục đích thực hiện, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng kế hoạch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước do Sở Dân tộc và Tôn giáo phụ trách; lấy ý kiến, trao đổi những giải pháp, nhằm thực hiện những mặt công tác, nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn tỉnh.



Điều 11. Mọi quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Ủy ban nhân dân cấp xã

Mọi quan hệ công tác giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Ủy ban nhân dân cấp xã là mối quan hệ phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước của ngành và các vấn đề khác có liên quan trên địa bàn.

Điều 12. Mọi quan hệ giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Mọi quan hệ giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Phòng chuyên môn (quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là mối quan hệ chỉ đạo, quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của ngành.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Triển khai thực hiện

Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời đến Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.